TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm.

2. Bà Phạm Thị Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số*:* 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị L - Sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Ng L, xã TK, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

2.Bị đơn: Anh Th - Sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn Ng L, xã T K, huyện T K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện T K ngày 22/9/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính cách hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, anh Th thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn kinh tế. Đến đầu năm

2016 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có hai con chung là Ph - Sinh ngày 06/8/2007 và Ch - Sinh ngày 11/10/2015. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con với số tiền là 1.500.000đ/1con chung/1 tháng. Cả hai con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày của bị đơn, anh Th xác định: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị L trình bày. Anh xác định giữa anh và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai người không hòa hợp trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế, dẫn đến tinh thần suy sụp, kinh tế gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra xô sát, cãi nhau. Đầu năm 2016 anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng không quan tâm gì tới nhau. Nay chị L làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng có hai con chung như chị L đã trình bày, nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý quan điểm của chị L về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày của con chung là Ph có nguyện vọng được ở với chị L trong trường hợp chị L và anh Th ly hôn.

Tại phiên tòa: chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị HĐXX (Hội đồng xét xử) giải quyết cho chị ly hôn anh Th và chị đề nghị được nuôi cả hai con chung. Về việc cấp dưỡng cho con, chị L xác định có việc làm và thu nhập ổn định nên đủ khả năng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra chị không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm: Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81,82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị L về ly hôn anh Th, về con chung: Giao con chung là Ph - Sinh ngày 06/8/2007 và Ch - Sinh ngày 11/10/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến

khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con; Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho anh Th đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng do công việc, điều kiện ở xa anh không đến được nên có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Th kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T K, huyện TK ngày 22/9/2006 là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh Th đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2015 do tính cách không hòa hợp trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xô sát, cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Đầu năm 2016 anh bỏ đi làm ăn xa còn chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay không ai quan tâm tới ai. Chị L và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều nhất trí ly hôn. Căn cứ quan điểm của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Th đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị L ly hôn anh Th là phù hợp.

[3] Về quan hệ nuôi con chung khi ly hôn. Chị L và anh Th đều xác định vợ chồng có hai con chung là Ph - Sinh ngày 06/8/2007 và Ch - Sinh ngày 11/10/2015. Chị L đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh Th đồng ý quan điểm của chị L. Tại phiên tòa chị L cung cấp chứng cứ chứng minh khả năng thu nhập của mình mỗi tháng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Xét thấy chị L có sức khỏe, có thu nhập ổn định, hiện cả hai con đang ở với chị từ lâu, con chung là Ph có nguyện vọng được ở với chị. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L nuôi cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L nên HĐXX chấp nhận. Như vậy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung khi ly hôn: Chị L và anh Th đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L ly hôn anh Th.

2. Về quan hệ nuôi con chung khi ly hôn: Xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ph - Sinh ngày 06/8/2007 và C - Sinh ngày 11/10/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con chung.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ của anh Th trong việc thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3.Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình) và được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002079 ngày 19 tháng 10 năm 2017.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tứ Kỳ;
-Chi cục T.H.A.DS huyện Tứ Kỳ;
-UBND xã T K, h. T K;
-Các đương sự;
-Lưu hs, vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân